

Số: /QĐ-BDT

Khánh Hòa, ngày tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Thi đua khen thưởng cơ quan Ban Dân tộc

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC TỈNH KHÁNH HOÀ

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 47/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 22/7/2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp tổ chức bộ máy của Ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 09/5/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua khen thưởng cơ quan Ban Dân tộc tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 13/QĐ-BDT ngày 26/01/2024 về việc ban hành Quy chế thi đua khen thưởng cơ quan Ban Dân tộc.

Điều 3. Chánh văn phòng; các Trưởng, phó phòng và cán bộ, công chức, người lao động thuộc Ban Dân tộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh (đề bc, VBĐT);
- Sở Nội vụ (VBĐT);
- Lãnh đạo Ban (VBĐT);
- Lưu: VT, VP.

TRƯỞNG BAN

Võ Nam Thắng

QUY CHẾ
CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG BAN DÂN TỘC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDT ngày /6/2024 của Ban Dân tộc)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Ban Dân tộc, bao gồm: Đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm và thẩm quyền khen thưởng; nguyên tắc thi đua, khen thưởng; nội dung thi đua, tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quy định hồ sơ, thủ tục khen thưởng, thời gian xét khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng và cách thức tổ chức thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tập thể, cá nhân thuộc Ban Dân tộc;
- Phòng Dân tộc cấp huyện.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Việc thi đua được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch.
- Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Việc khen thưởng thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời; bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được; khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng đối với công chức, người lao động không giữ chức vụ quản lý; cá nhân, tập thể có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

b) Cấp có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ theo quy định.

c) Một hình thức khen thưởng có thể tặng thưởng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu, khen thưởng đến đó. Khen thưởng phải gắn với kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

d) Kết quả khen thưởng thành tích đột xuất, thi đua theo chuyên đề không dùng làm căn cứ để đề nghị cấp trên khen thưởng công trạng.

e) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo, có vấn đề tham nhũng, tiêu cực được báo chí nêu đang được xác minh làm rõ.

Trường hợp cá nhân, tập thể bị kỷ luật, sau khi chấp hành xong thời gian kỷ luật, cá nhân, tập thể lập được thành tích thì thành tích khen thưởng được tính từ thời điểm chấp hành xong thời gian thi hành kỷ luật.

g) Thời gian nghỉ thai sản đối với cá nhân theo quy định được tính để xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

h) Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

i) Thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến đối với cá nhân là nữ lãnh đạo, quản lý được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung. Trường hợp cá nhân nữ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian để xét khen thưởng quá trình công hiến thực hiện theo quy định chung.

Điều 4. Các căn cứ xác định và xét tặng danh hiệu thi đua và xét khen thưởng

1. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

- Phong trào thi đua.
- Thành tích thi đua.
- Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

2. Căn cứ xét khen thưởng

- Thành tích đạt được.
- Tiêu chuẩn khen thưởng.
- Điều kiện và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 5. trường hợp không xét thi đua, khen thưởng

- Mới được tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động dưới 10 tháng;
- Bị xử phạt vi phạm hành chính; bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.
- Tập thể có 10% nhiệm vụ được giao trễ hạn trở lên trong năm không được xếp hạng tốt về kết quả cải cách hành chính thì không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

- Cá nhân thụ lý, giải quyết trễ hạn 10% nhiệm vụ được giao trở lên trong năm không được xếp loại hoàn thành hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Cá nhân là người đứng đầu cơ quan, nếu đề tập thể có xếp hạng kết quả cải cách hành chính đạt mức trung bình trở xuống thì không được xếp loại hoàn thành hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Điều 6. Các trường hợp được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Đối tượng nữ nghỉ thai sản theo chế độ quy định của Nhà nước, những người trong khi thi hành nhiệm vụ bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế thì thời gian nghỉ vẫn được tính để xem xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

2. Cá nhân được cử đi học, bồi dưỡng ngắn hạn tập trung dưới 01 năm, đạt kết quả từ loại khá trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì kết hợp với thời gian công tác tại đơn vị để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử đi đào tạo tập trung từ 01 năm trở lên, đạt kết quả học tập từ loại khá trở lên thì năm đó được xếp đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” để làm căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác.

4. Đối với cá nhân mới chuyển công tác đến Ban Dân tộc: xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” trên cơ sở có ý kiến nhận xét của đơn vị cũ đối với trường hợp có thời gian công tác ở đơn vị cũ từ 6 tháng trở lên (dưới 6 tháng thì căn cứ nhận xét của cơ quan cũ trong hồ sơ chuyển công tác, không cần lấy lại ý kiến nhận xét của đơn vị cũ).

Chương II TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 7. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ, kế hoạch hàng quý, hàng năm của cơ quan.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, Thủ trưởng cơ quan, các phòng tiến hành tổng kết và bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của tỉnh, của Ủy ban Dân tộc.

Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi của tỉnh thì khi tiến hành sơ kết, tổng kết, thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả nước, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng Bằng khen; từ 05 năm trở lên lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Chủ tịch nước xét tặng “Huân chương Lao động hạng Ba”.

Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Trưởng Ban Dân tộc có trách nhiệm triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý theo một số nội dung sau:

1. Tổ chức phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

2. Triển khai tuyên truyền, vận động cá nhân, tập thể tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua; xây dựng điển hình và nhân rộng điển hình tiên tiến.

3. Sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả phong trào thi đua, rút kinh nghiệm và phổ biến kinh nghiệm tốt, những nhân tố mới, mô hình mới đã xuất hiện trong phong trào thi đua; xét chọn, biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Trưởng Ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các tổ chức đoàn thể của cơ quan để tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng, tổ chức tuyên truyền, xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến.

2. Hội đồng thi đua, khen thưởng của cơ quan thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Trưởng ban về nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức phong trào thi đua; hướng dẫn đôn đốc, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; thẩm định hồ sơ thi đua, khen thưởng trình Trưởng ban quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Các tổ chức đoàn thể của cơ quan có trách nhiệm:

- Tổ chức và phối hợp với chính quyền để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

- Tuyên truyền, động viên công chức, lao động tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng.

- Giám sát việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và của Quy chế này.

Điều 10. Đăng ký sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến đăng ký sáng kiến (*theo phụ lục số 1*) gửi cho các phòng nơi công tác để các phòng, đơn vị soát xét, lựa chọn và lập danh sách tổng hợp các sáng kiến gửi cho Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng trước **ngày 15 tháng 02 hàng năm**.

2. Sau khi nhận được danh sách đăng ký, Thường trực Hội đồng sẽ xem xét, rà soát các sáng kiến đã đăng ký xem các sáng kiến có trùng lặp nội dung với các sáng kiến đã được công bố... để các tác giả sáng kiến biết, lựa chọn sáng kiến hoặc giải pháp khác thay thế (nếu có).

3. Cho phép đăng ký thay đổi sáng kiến đối với các công chức thay đổi, luân chuyển vị trí công tác hoặc có lý do hợp lý (phải nêu rõ trong đơn đăng ký thay đổi)

và phải gửi Thường trực Hội đồng trước **ngày 30 tháng 6 hàng năm**. Thường trực Hội đồng tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Hội đồng xem xét chấp thuận.

4. Tác giả sáng kiến đã đăng ký, gửi báo cáo sáng kiến cho phòng, ban, đơn vị trực thuộc Ban Dân tộc nơi tác giả đang công tác **trước ngày 15 tháng 11 hàng năm**. Các phòng nhận được hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến có trách nhiệm hướng dẫn tác giả hoặc nhóm tác giả hoàn thành hồ sơ (nếu cần thiết), xét và tổng hợp các sáng kiến; gửi hồ sơ đến thường trực hội đồng **trước ngày 25 tháng 11 hàng năm**.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG

DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 11. Danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể:

- Tập thể Lao động tiên tiến;
- Tập thể Lao động xuất sắc;
- Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cờ thi đua của Ủy ban Dân tộc;
- Cờ thi đua của Chính phủ.

2. Đối với cá nhân:

- Lao động tiên tiến;
- Chiến sĩ thi đua cơ sở;
- Chiến sĩ thi đua cấp bộ, tỉnh;
- Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng cho các tập thể đạt các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, Khen thưởng, cụ thể:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; chấm điểm thi đua của tập thể đạt từ 85 điểm trở lên;

2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

3. Có ít nhất là 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị.

5. Đạt trên 50% trở lên số thành viên Hội đồng TĐKT Ban biểu quyết đồng ý.

Điều 13. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” để tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng, cụ thể:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;
- b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
- c) Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
- d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;
- đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- e) Đạt trên 50% trở lên số thành viên Hội đồng TĐKT Ban biểu quyết đồng ý.

Điều 14. Cờ Thi đua

1. Cờ Thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Thực hiện theo Quy định nội dung đánh giá, chấm điểm và bình xét thi đua các Cụm, Khối thi đua của tỉnh Khánh Hoà.

2. Cờ Thi đua của Ủy ban Dân tộc:

Thực hiện theo thông tư hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng của Ủy ban Dân tộc.

3. Cờ Thi đua của Chính phủ:

Thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 5 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ.

Số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” theo quy định tại khoản 1 Điều này không quá 20% tổng số tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua và đạt tiêu chuẩn tặng cờ thi đua của bộ, ban, ngành, tỉnh.

Điều 15. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

Danh hiệu "Lao động tiên tiến" để tặng cho cán bộ, công chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
2. Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.
3. Có trên 50% số thành viên của tập thể phòng biểu quyết đồng ý và trên 50% trở lên số thành viên Hội đồng TĐKT Ban biểu quyết đồng ý.

Điều 16. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc có sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu được đơn vị công nhận.

c) Có trên 50% số thành viên của tập thể phòng biểu quyết đồng ý và trên 50% trở lên số thành viên Hội đồng sáng kiến của Ban biểu quyết đồng ý.

Điều 17. Danh hiệu Chiến sĩ thi đua bộ, tỉnh

Danh hiệu Chiến sĩ thi đua bộ, tỉnh để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 03 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

2. Có sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp công tác có hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, tỉnh, được trên 50% thành viên Hội đồng sáng kiến Ban Dân tộc xác nhận và được Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp bộ, tỉnh xét công nhận thành tích.

Điều 18. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” để tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua Bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Có sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong toàn quốc hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

2. Người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ.

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, công nhận sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

Chương IV

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Giấy khen của Trưởng Ban Dân tộc

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Nội quy, Quy chế làm việc của cơ quan và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do cơ quan phát động.

b) Cán bộ, công chức, người lao động được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm; thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nếu là đảng viên phải được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Ưu tiên xét tặng giấy khen cho cá nhân được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cá nhân có sáng kiến hoặc giải pháp công tác áp dụng có hiệu quả trong các cơ quan được người đứng đầu công nhận.

2. Giấy khen để tặng hàng năm cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do cơ quan phát động.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan.

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo được cơ quan ghi nhận.

d) Tập thể được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Nếu có tổ chức đảng, đoàn thể phải đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; không có cá nhân là người đứng đầu tập thể xếp loại ở mức hoàn thành nhiệm vụ, đang thi hành kỷ luật hoặc đang bị xem xét xử lý kỷ luật.

3. Trường Ban Dân tộc tặng Giấy khen cho các cá nhân, tập thể đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong dịp tổng kết phong trào thi đua yêu nước 5 năm hoặc theo đợt hoặc chuyên đề theo quy định và kế hoạch của UBND tỉnh, Ủy ban Dân tộc.

Điều 20. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng công trạng

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Cá nhân có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

Đối với người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thực hiện chế độ với người lao động theo quy định thì phải hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách, thực hiện tốt chế độ, chính sách tiền lương, bảo hiểm

xã hội đối với người lao động, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, không xảy ra cháy, nổ nghiêm trọng.

b) Tập thể có 02 năm liên tục được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Khen thưởng phong trào thi đua

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân, tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, trực tiếp tham gia triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, phát động hoặc giao cho cơ quan cấp tỉnh tổ chức, phát động trên phạm vi toàn tỉnh.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ chủ trì triển khai thực hiện các phong trào thi đua khi đề nghị khen thưởng phối hợp với Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trình UBND tỉnh về chủ trương khen thưởng phù hợp với điều kiện thực tế. Khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua thì năm tổ chức sơ kết, tổng kết không đề nghị khen thưởng năm.

c) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tổ chức triển khai thực hiện Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết, Chỉ thị, Nghị định, Chương trình, Đề án của Trung ương; trong đó tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có 2/3 thời gian trực tiếp tham gia triển khai Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết, Chỉ thị, Nghị định, Chương trình, Đề án (trừ trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh). Các đơn vị được giao chủ trì triển khai thực hiện phối hợp với Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng trình Ủy ban Nhân dân tỉnh về chủ trương và số lượng khen thưởng phù hợp với điều kiện thực tế.

d) Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển cơ quan nhân dịp tổ chức lễ kỷ niệm thành lập ngành, ngày truyền thống (vào năm tròn), đại hội nhiệm kỳ (do cấp tỉnh tổ chức) theo kế hoạch được Thường trực Tỉnh ủy hoặc Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh đồng ý chủ trương. Các đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh về chủ trương và số lượng khen thưởng phù hợp với quy mô, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị.

e) Tập thể, cá nhân có mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, đổi mới...là gương điển hình tiên tiến, lập được thành tích tiêu biểu xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và được noi gương học tập.

Điều 21. Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn về công tác thi đua khen thưởng của Ủy ban Dân tộc.

Điều 22. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 73 Luật thi đua khen thưởng.

Điều 23. Khen thưởng cấp Nhà nước

Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước như: Huân chương, Huy chương, Danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, Huy hiệu ... thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 33 đến Điều 70 của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 24. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển các dân tộc”

Việc xét tặng Kỷ niệm chương vào dịp kỷ niệm “Ngày truyền thống cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc” (ngày 03/5 hàng năm), thực hiện theo quy định tại Thông tư hướng dẫn công tác thi đua khen thưởng của Ủy ban Dân tộc.

Chương V HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

Điều 25. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng

1. Hội đồng thi đua, khen thưởng (HĐTĐKT) do Trưởng Ban quyết định thành lập. Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban là Phó Chủ tịch Hội đồng; các Ủy viên là Trưởng phòng, Phó trưởng phòng phụ trách, đại diện cấp ủy, tổ chức Công đoàn.

2. HĐTĐKT thực hiện chức năng tham mưu, tư vấn cho Trưởng Ban về công tác thi đua, khen thưởng, có trách nhiệm:

- Tổ chức phát động, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng kết các phong trào thi đua;

- Thẩm định hồ sơ khen thưởng, đề nghị Trưởng Ban xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền, hoặc xét, trình cấp có thẩm quyền xét, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định.

Điều 26. Hội đồng khoa học, sáng kiến

1. Hội đồng TĐKT đồng thời là Hội đồng khoa học, sáng kiến (HĐKHSK).

2. HĐKHSK có nhiệm vụ: Xem xét, đánh giá, công nhận sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu khoa học hoặc áp dụng công nghệ mới của các tập thể, cá nhân thuộc Ban Dân tộc (làm cơ sở xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Trưởng Ban Dân tộc).

Chương VI QUY TRÌNH, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 27. Quy trình, thủ tục, hồ sơ xét danh hiệu thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Trưởng Ban Dân tộc

1. Đối với cá nhân, tập thể thuộc cơ quan Ban Dân tộc:

- Phòng tổ chức họp bình xét danh hiệu thi đua, có 2/3 tổng số cán bộ, công chức, lao động trong phòng dự họp. Các đồng chí lãnh đạo Ban được bình xét thi đua tại phòng chuyên môn phân công phụ trách và tham gia sinh hoạt tổ Công đoàn. Biên bản họp bình xét phải ghi rõ tỷ lệ, số phiếu bầu, có đầy đủ chữ ký của lãnh đạo phòng, thư ký cuộc họp và tổ trưởng tổ Công đoàn;

- Hồ sơ đề nghị xét thi đua, khen thưởng của các phòng gồm:

- + Biên bản họp bình xét;
- + Bản chấm điểm thi đua của tập thể và cá nhân;
- + Bản tự kiểm điểm, đánh giá của cán bộ, công chức.

2. Đối với cá nhân thuộc Phòng Dân tộc cấp huyện:

- Phòng Dân tộc cấp huyện tổ chức họp bình xét danh hiệu thi đua, có 2/3 tổng số cán bộ, công chức, lao động trong phòng dự họp. Biên bản họp bình xét phải ghi rõ tỷ lệ, số phiếu bầu, có đầy đủ chữ ký của lãnh đạo phòng và thư ký cuộc họp.

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Ban Dân tộc trước ngày 20/12 gồm:

- + Tờ trình đề nghị khen thưởng;
- + Biên bản họp bình xét thi đua;
- + Báo cáo thành tích của cá nhân có ý kiến xác nhận của Phòng Nội vụ.

3. Trên cơ sở đề nghị của các phòng chuyên môn thuộc Ban và Phòng Dân tộc cấp huyện, thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng tổng hợp báo cáo tại cuộc họp xét thi đua, khen thưởng của Hội đồng. Biên bản họp xét thi đua của Hội đồng thi đua, khen thưởng ghi rõ tỷ lệ, số phiếu bầu và có đầy đủ chữ ký của người chủ trì, thư ký cuộc họp.

Căn cứ kết quả bình xét thi đua, khen thưởng của Hội đồng thi đua, Khen thưởng; thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng tổng hợp trình Trưởng Ban xem xét quyết định.

Điều 28. Quy trình, thủ tục, hồ sơ đề nghị xét danh hiệu thi đua, khen thưởng ngoài thẩm quyền của Trưởng Ban Dân tộc

1. Cờ Thi đua, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc:

Thực hiện theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

2. Danh hiệu thi đua, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:

Thực hiện theo quy định Luật Thi đua, Khen thưởng: 02 bộ chính.

b) Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh:

- Tờ trình của đơn vị; Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng; Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ chính.

3. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

- Tờ trình của đơn vị; Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng; Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị, địa phương.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ bản chính.

4. Huân chương các loại:

- Tờ trình của đơn vị; Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng; Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị.

- Số lượng hồ sơ: 04 bộ chính.

5. Hồ sơ đề nghị UBND tỉnh khen thưởng hàng năm gửi Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh chậm nhất ngày cuối tháng 02 năm sau.

Các trường hợp khen thưởng sơ kết, tổng kết chương trình mục tiêu (khen thưởng chuyên đề) gửi hồ sơ trước ngày giao thưởng ít nhất 10 ngày làm việc; trường hợp khen thưởng đột xuất gửi hồ sơ trước 05 ngày làm việc.

6. Báo cáo thành tích của các trường hợp đề nghị khen thưởng thực hiện theo mẫu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ.

Chương VII

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 29. Nguồn và mức trích Quỹ

Quỹ thi đua khen thưởng của sở, ban, ngành cấp tỉnh được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài.

Điều 30. Sử dụng quỹ thi đua khen thưởng

1. Quỹ thi đua khen thưởng được sử dụng:

- Chi in ấn giấy chứng nhận danh hiệu thi đua, giấy khen; mua khung giấy khen;

- Chi tiền thưởng cho các cá nhân, tập thể;

- Chi tổ chức các hội nghị ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến, tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng, các cuộc họp của hội đồng thi đua, khen thưởng ...

- Trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

- Cuối năm Quỹ thi đua, khen thưởng còn dư không sử dụng hết được chuyển năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng.

2. Khen thưởng chuyên đề (các chương trình mục tiêu) được trích từ nguồn kinh phí hoạt động của chương trình mục tiêu đó.

3. Nguyên tắc chi tiền thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng:

a) Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

b) Trong cùng thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất. (Ví dụ: Năm 2018, ông Nguyễn Văn A được công nhận là LĐTT, sau đó được công nhận danh hiệu CSTĐCS năm 2018, thì ông Nguyễn Văn A chỉ được nhận tiền thưởng của danh hiệu CSTĐCS).

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua. (Ví dụ: Năm 2016, 2017, 2018 ông Nguyễn Văn A đạt danh hiệu CSTĐCS, đồng thời được xét tặng danh hiệu CSTĐ cấp tỉnh năm 2018, thì ông Nguyễn Văn A được nhận cả tiền thưởng của danh hiệu CSTĐCS và tiền thưởng của danh hiệu CSTĐ cấp tỉnh của năm 2018).

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng. (Ví dụ: Năm 2018, ông Nguyễn Văn A đạt danh hiệu CSTĐCS và được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, thì ông Nguyễn Văn A được nhận cả tiền thưởng của danh hiệu CSTĐCS và tiền thưởng của Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh năm 2018).

4. Tiền thưởng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Trường Ban Dân tộc:

- "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được tặng Bằng chứng nhận và được nhận thưởng bằng 1,0 lần mức lương cơ sở;

- "Lao động tiên tiến" bằng 0,3 lần mức lương cơ sở;

- "Tập thể Lao động tiên tiến" bằng 0,8 lần mức lương cơ sở.

- "Tập thể lao động xuất sắc" được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;

- "Giấy khen" tặng cho cá nhân bằng 0,3 lần mức lương cơ sở; cho tập thể bằng 0,6 lần mức lương cơ sở.

Điều 31. Cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Bằng khen của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Huy chương, Huân chương ... ngoài việc khen thưởng theo quy định còn được ưu tiên cử đi học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, được xem xét để xét nâng lương trước thời hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể

Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng; hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể được khen thưởng và các cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng; khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng; giải quyết khiếu nại, tố cáo; thủ tục hồ sơ trước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo quy định của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 Chính phủ.

Chương VIII **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ quy định tại Quy chế này Hội đồng thi đua, khen thưởng, các Trưởng, phó phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Ban Dân tộc có trách nhiệm triển khai, tổ chức thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng thi đua, khen thưởng Ban Dân tộc kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có các quy định của nhà nước mới ban hành hoặc có những vấn đề phát sinh, vướng mắc, các Trưởng, phó phòng, công chức, lao động thuộc Ban Dân tộc và Phòng Dân tộc cấp huyện phản ánh về Thường trực Hội đồng TĐKT để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

UBND TỈNH KHÁNH HOÀ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN DÂN TỘC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Hoà, ngày tháng năm 202..

BẢN ĐĂNG KÝ SÁNG KIẾN

Kính gửi: Hội đồng thi đua khen thưởng Ban Dân tộc tỉnh

Họ và tên chủ nhiệm sáng kiến:

Đơn vị công tác:

Chức vụ:

Địa chỉ liên lạc, điện thoại:

- Đồng tác giả sáng kiến (nếu có):

Đơn vị công tác:.....

Chức vụ:.....

Địa chỉ liên lạc, điện thoại:.....

Đăng ký sáng kiến trong thực hiện nhiệm vụ năm....., như sau:

1. Tên sáng kiến:

2. Sự cần thiết:

3. Phạm vi sáng kiến:

4. Dự kiến kết quả đạt được (*trong đó có đề cập nét mới, sáng tạo và tạo ra giá trị mới; Những đột phá, mức độ và phạm vi ảnh hưởng khi áp dụng sáng kiến*):

5. Thời gian thực hiện: từ ngày.../.../20.....đến ngày...../...../20.....

6. Dự kiến kinh phí (nếu có)đồng.

Khánh Hoà, ngày ... tháng ... năm ...

Người đăng ký